

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2024

V/v Tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Thường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Hồ Sĩ Tiến

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Kim Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà:** Bà **Đặng Thị N** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 146/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Kim T**, sinh năm 1985. (vắng mặt và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Lê Quốc T1**, sinh năm 1982. (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

Cùng địa chỉ: **I đường B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình làm việc tại Tòa, nguyên đơn bà **Phạm Thị Kim T** trình bày:

Bà và ông **Lê Quốc T1** là vợ chồng, tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau. Bà và ông **T1** đăng ký kết hôn ngày 07/12/2009 tại Ủy ban nhân **phường T, quận B, thành phố Cần Thơ**. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và không bị ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, bà và ông **T1** có 01 (một) con chung tên là: **Lê Phạm Đăng K**, sinh ngày 04/8/2013. Thời gian gần đây, bà và ông **T1** xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm

với nhau, cãi nhau nhiều lần, ông T1 ham mê cờ bạc, hay chửi mắng bà T, không quan tâm vợ con. Bà và ông T1 đã sống ly thân nhau.

Nay, bà T nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, bà T làm đơn này, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Quốc T1.

Về con chung: Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu ông Trung cấp d.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình: Bà T tự nguyện chịu toàn bộ.

- Bị đơn ông Lê Quốc T1 đã gửi Bản tự khai của ông gửi tới Tòa án, nội dung ông T1 cho rằng: ông còn thương yêu vợ con, bản thân có tụ tập chơi game, đánh bài nhưng không nhiều. Nay ông có nguyện vọng hòa giải tình cảm vợ chồng tình cảm vợ chồng.

Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần cho ông T1 nhưng ông T1 không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Do bận công việc nên bà T không thể xin nghỉ làm, bà T làm Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T có Đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa là có lý do chính đáng; ông T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến làm việc, vắng mặt 02 (hai) lần không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng mặt bà T và ông T1 là phù hợp quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kim T2 yêu cầu ly hôn với ông Lê Quốc T1 có địa chỉ đăng ký thường trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Quốc T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ lần thứ

hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn có Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **Nguyễn Thị Kim T2** và ông **Lê Q** là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Bà **Nguyễn Thị Kim T2** và ông **Lê Quốc T1** tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa bà **T2** và ông **T1** thì thấy: Theo bà **T2** thì nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm với nhau, cãi nhau nhiều lần, ông **T1** ham mê cờ bạc, hay chửi mắng bà **T2**, không quan tâm vợ con. Cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, không có niềm tin vào nhau. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Hiện nay, bà **T2** và ông **T1** đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Về phía ông **T1** thừa nhận bản thân có tụ tập chơi game, đánh bài nhưng ông vẫn còn thương yêu vợ con nên ông có nguyện vọng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Tuy nhiên, Tòa án triệu tập hợp lệ ông **T1** đến Tòa làm việc nhưng ông **T1** đều vắng mặt.

Theo xác minh tại địa phương cho biết: Quá trình bà **Nguyễn Thị Kim T2** và ông **Lê Quốc T1** sinh sống tại địa phương có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được, ông **T1** thường vắng nhà.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa bà **T2** và ông **T1** là có thật, vợ chồng cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **T2** là phù hợp.

Về con chung: Bà **Nguyễn Thị Kim T2** và ông **Lê Quốc T1** có 01 (một) con chung là cháu **Lê Phạm Đăng K**, sinh ngày 04/8/2013. Bà **T2** yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu **K**, bà **T2** không yêu cầu ông **Trung cấp d** nuôi con; cháu **K** cũng có nguyện vọng ở cùng bà **T2**. Để tránh cuộc sống hiện tại của cháu **K** không bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và việc học tập của cháu, nên cần tiếp tục giao cháu **K** cho bà **T2** được quyền nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà **T2** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Nguyễn Thị Kim T2** và ông **Lê Quốc T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Kim T2** phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19; Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Kim T2** đối với ông **Lê Quốc T1**.

1. Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị Kim T2** ly hôn với ông **Lê Quốc T1**.

2. Về con chung: Bà **Nguyễn Thị Kim T2** và ông **Lê Quốc T1** có 01 (một) con chung là cháu **Lê Phạm Đăng K**, sinh ngày 04/8/2013. Giao cháu **K** cho bà **T2** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà **T2** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, ông **Lê Quốc T1** được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Nguyễn Thị Kim T2** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị Kim T2** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000356 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.V;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND phường T,
quận B, thành phố Cần Thơ ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Thị Thường